

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

BÁO CÁO CHẤT LỘC
NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP BỘ

XÂY DỰNG BỘ CHỈ SỐ BẢO VỆ
TRẺ VỊ THÀNH NIÊN Ở VIỆT NAM
Thuộc Chương trình trọng điểm cấp Bộ:
“Xây dựng bộ chỉ số đảm bảo an sinh quốc gia”

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ: TS. NGUYỄN NGỌC TRUNG

CƠ QUAN CHỦ TRÌ: VIỆN ĐỊA LÝ NHÂN VĂN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hà Nội, tháng 12 năm 2025

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN ĐỊA LÝ NHÂN VĂN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

BÁO CÁO CHẤT LỘC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC NHIỆM VỤ CẤP BỘ

I. THÔNG TIN VỀ NHIỆM VỤ

1. Tên nhiệm vụ: “Xây dựng Bộ chỉ số bảo vệ trẻ vị thành niên ở Việt Nam” thuộc Chương trình trọng điểm cấp Bộ: Xây dựng bộ chỉ số đảm bảo an sinh quốc gia
2. Chủ nhiệm nhiệm vụ (*họ tên, chức danh khoa học, học vị*): Tiến sỹ
3. Thời gian thực hiện: 18 tháng, từ tháng 4 năm 2024 đến tháng 9 năm 2025
4. Ngày nghiệm thu cấp Cơ sở: 29/8/2025
5. Tổ chức chủ trì: Viện Địa lý Nhân văn và Phát triển bền vững

II. ĐÓNG GÓP MỚI CỦA NHIỆM VỤ

- Về cách tiếp cận, khung lý thuyết, phương pháp nghiên cứu, tài liệu tham khảo (*tính mới, tính cập nhật*):

Nghiên cứu lựa chọn cách tiếp cận liên ngành để phản ánh một cách toàn diện thực trạng phát triển vị thành niên. Trước hết, tiếp cận xã hội học giúp phân tích bối cảnh gia đình, trường học, cộng đồng và chính sách xã hội ảnh hưởng đến trẻ. Tiếp cận thống kê – định lượng được sử dụng để xử lý khối lượng dữ liệu lớn từ các điều tra quốc gia, xây dựng bộ chỉ số khách quan, có thể so sánh theo thời gian và giữa các vùng. Cuối cùng, tiếp cận phát triển con người bảo đảm bộ chỉ số đo lường được cả các khía cạnh vật chất, tinh thần và cơ hội phát triển, phù hợp với định hướng phát triển toàn diện của Liên Hợp Quốc và Chiến lược Quốc gia về Trẻ em.

Khung lý thuyết được xây dựng trên các lý thuyết phát triển kinh điển: lý thuyết phát triển tâm lý – xã hội của Erikson (nhấn mạnh giai đoạn dậy thì như bước ngoặt hình thành bản sắc), mô hình sinh thái của Bronfenbrenner (làm rõ ảnh hưởng đa tầng từ cá nhân đến gia đình, cộng đồng, xã hội), và lý thuyết gắn bó của Bowlby (vai trò nền tảng của mối quan hệ cha mẹ – con). Các khung phân tích xã hội học như mô hình hệ thống xã hội của Parsons cũng được vận dụng để giải thích sự tương tác giữa các thiết chế (gia đình, nhà trường, chính sách). Đặc biệt, nghiên cứu đã đối chiếu với các bộ chỉ số quốc tế (Global Youth Wellbeing Index, VACS, GEAS...) để lựa chọn nhóm chỉ tiêu phù hợp với điều kiện dữ liệu và ưu tiên chính sách tại Việt Nam.

Phương pháp nghiên cứu kết hợp nhiều bước

Thu thập dữ liệu: Sử dụng số liệu thứ cấp từ các điều tra chuẩn quốc gia như VHLSS, MICS cùng dữ liệu hành chính về giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội.

Bổ sung dữ liệu sơ cấp: Thực hiện tham vấn chuyên gia trong nước, tổ chức khảo sát thử nghiệm tại Hà Nội và Thanh Hóa để kiểm tra khả năng áp dụng của bộ chỉ số.

Phân tích và xây dựng chỉ số: Chuẩn hóa dữ liệu bằng z-score hoặc min-max, gán trọng số theo nhiều kịch bản (chia đều, trọng số chuyên gia, theo biến động dữ liệu), tổng hợp chỉ số bằng trung bình cộng/nhân. Kiểm định độ tin cậy và giá trị của chỉ số bằng Cronbach's Alpha, CFA; với cấu trúc formative, đề xuất áp dụng mô hình PLS-SEM để ước lượng điểm tiềm ẩn.

Danh mục tài liệu tham khảo được lựa chọn công phu, bao gồm hơn 100 đầu mục, trong đó nhiều tài liệu quốc tế và nghiên cứu trong nước được xuất bản giai đoạn 2022–2024. Các tài liệu phương pháp luận hiện đại như Hair et al. về PLS-SEM, các handbook quốc tế về xây dựng chỉ số và đo lường phúc lợi thanh thiếu niên được trích dẫn đầy đủ. Nhờ đó, nghiên cứu vừa đảm bảo tính cập nhật, vừa có nền tảng khoa học vững chắc, có khả năng so sánh với các nghiên cứu quốc tế và hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách trong bối cảnh mới.

- Về nội dung khoa học (các đóng góp mới về khoa học):

Nghiên cứu đã có những đóng góp quan trọng cả về lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển trẻ vị thành niên ở Việt Nam:

Thứ nhất, nghiên cứu là nỗ lực đầu tiên xây dựng một bộ chỉ số tổng hợp và toàn diện về phát triển và bảo vệ trẻ vị thành niên, bao gồm bốn trụ cột: (i) chăm sóc sức khỏe – tâm lý – hạnh phúc, (ii) phát triển giáo dục, (iii) bảo vệ xã hội, (iv) điều kiện sống và cơ hội kinh tế. Bộ chỉ số không chỉ đo lường các khía cạnh về sức khỏe và giáo dục, mà còn phản ánh yếu tố tâm lý, cảm xúc và môi trường sống – những thành phần thường ít được đề cập trong các nghiên cứu trước đây ở Việt Nam.

Thứ hai, nghiên cứu đã hệ thống hóa và nội địa hóa các khung lý thuyết quốc tế, giúp tạo ra một mô hình đo lường phù hợp với bối cảnh văn hóa – xã hội Việt Nam. Việc tích hợp lý thuyết phát triển tâm lý – xã hội, mô hình sinh thái và lý thuyết gắn bó tạo nên một khung phân tích đa chiều, phản ánh mối quan hệ tương tác giữa cá nhân, gia đình, cộng đồng và chính sách. Đây là đóng góp quan trọng cho lĩnh vực xã hội học trẻ em và chính sách bảo vệ trẻ.

Thứ ba, nghiên cứu đóng góp về phương pháp luận khi áp dụng các kỹ thuật phân tích hiện đại. Việc sử dụng phương pháp chuẩn hóa dữ liệu, gán trọng số linh hoạt, kết hợp phân tích nhân tố khẳng định (CFA) và mô hình PLS-SEM đã nâng cao độ tin cậy và giá trị của bộ chỉ số. Đặc biệt, đề xuất thử nghiệm nhiều kịch bản trọng số và phân tích độ nhạy giúp kết quả nghiên cứu minh bạch và có thể kiểm chứng.

Thứ tư, nghiên cứu đã xác định được các khoảng trống dữ liệu quan trọng, như thiếu thông tin về sức khỏe tâm thần, kỹ năng sống, và một số chỉ tiêu chuyên biệt cho nhóm vị thành niên. Điều này vừa cho thấy giới hạn của dữ liệu hiện có, vừa mở ra định hướng nghiên cứu tiếp theo để hoàn thiện bộ chỉ số.

Cuối cùng, nghiên cứu đóng góp cho kho tàng tri thức khoa học trong nước khi cung cấp cơ sở dữ liệu có hệ thống, phân tích so sánh giữa các địa phương, qua đó tạo điều kiện cho các nghiên cứu tiếp theo có thể dựa trên bộ chỉ số này để đánh

giá tác động của chính sách, can thiệp xã hội và xu hướng phát triển thanh thiếu niên theo thời gian.

- Về khả năng ứng dụng trong thực tiễn (*tư vấn chính sách, áp dụng cho giảng dạy...*):

Kết quả nghiên cứu có khả năng ứng dụng rộng rãi và mang lại giá trị thiết thực cho nhiều lĩnh vực:

Thứ nhất, trong hoạch định và tư vấn chính sách:

Bộ chỉ số là công cụ giúp các cơ quan quản lý nhà nước theo dõi, đánh giá toàn diện tình hình phát triển và bảo vệ trẻ vị thành niên theo thời gian và giữa các địa phương. Các cơ quan như Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế có thể sử dụng để xác định các vùng trọng điểm cần ưu tiên đầu tư, thiết kế chương trình can thiệp và phân bổ nguồn lực công bằng hơn. Bộ chỉ số còn giúp theo dõi tiến độ thực hiện Chiến lược Quốc gia về Trẻ em, Kế hoạch Hành động vì Trẻ em, và đóng góp cho việc báo cáo các chỉ tiêu phát triển bền vững (SDGs).

Thứ hai, trong đánh giá và giám sát chương trình:

Bộ chỉ số có thể được dùng để so sánh trước – sau can thiệp, đánh giá hiệu quả của các chương trình y tế học đường, chương trình phòng chống bạo lực trẻ em, chương trình hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, từ đó rút ra bài học và điều chỉnh chính sách.

Thứ ba, trong nghiên cứu khoa học và đào tạo:

Các trường đại học, viện nghiên cứu có thể sử dụng bộ chỉ số như một khung tham chiếu chuẩn để tiến hành các nghiên cứu tiếp theo về sức khỏe tâm thần, giáo dục, bất bình đẳng giới ở nhóm vị thành niên. Đây cũng là nguồn dữ liệu và tình huống nghiên cứu hữu ích cho giảng dạy trong các ngành xã hội học, công tác xã hội, y tế công cộng, giáo dục, chính sách xã hội.

Thứ tư, trong hợp tác quốc tế:

Việc chuẩn hóa hệ thống chỉ số theo thông lệ quốc tế tạo điều kiện để Việt Nam tham gia so sánh, trao đổi dữ liệu và kinh nghiệm với các nước khác. Điều này giúp nâng cao uy tín học thuật, đồng thời cung cấp bằng chứng thực nghiệm cho các đối tác phát triển (UNICEF, UNFPA, WB...) khi xây dựng dự án hỗ trợ trẻ em và thanh thiếu niên.

Thứ năm, trong truyền thông và nâng cao nhận thức cộng đồng:

Bộ chỉ số và kết quả phân tích có thể được trình bày dưới dạng bảng giúp truyền thông rõ ràng tới xã hội về các vấn đề nổi bật. Điều này hỗ trợ các tổ chức xã hội, đoàn thể, truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng và thúc đẩy hành động bảo vệ trẻ vị thành niên.

Nhờ những khả năng ứng dụng này, nghiên cứu không chỉ có giá trị hàn lâm mà còn trở thành công cụ hỗ trợ ra quyết định, đào tạo nhân lực và huy động nguồn lực xã hội nhằm cải thiện chất lượng sống của trẻ vị thành niên.

Chủ nhiệm nhiệm vụ

(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Ngọc Trung